Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 47

Ngày 02/12/2019

Bản tin hàng tuần ra ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng là 2 tỷ đồng.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập doanh nghiệp hàng không dân dụng là 300 tỷ đồng.

3. Mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô là 05 tỷ đồng.

4. Quy định về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Mục tiêu đến 2025: 50% công chức trung ương đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

6. Không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi số liệu thống kê thi hành án dân sự.

7. Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng nước ngoài.

8. Tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng dao động từ 60-100%

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Thông tư ban hành Quy chế về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm gì?

2. Việc cung cấp thông tin được trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất như thế nào?

3. Những trường hợp nào bị từ chối yêu cầu cung cấp thông tin?

4. Có những biện pháp nào để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. MỨC PHẠT TIỀN TỐI ĐA ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG LÀ 2 TỶ ĐỒNG

Ngày 14/11/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với tổ chức vi phạm là 2 tỷ đồng và đối với cá nhân vi phạm là 1 tỷ đồng.

Cá nhân trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bị phạt tiền từ 100 – 150 triệu đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: sử dụng thẻ ngân hàng để thực hiện các giao dịch cho các mục đích lừa đảo, gian lận; thanh toán bù trừ giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật; chuyển thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code cho bên khác sử dụng; chấp nhận thanh toán thẻ mà không có hợp đồng thanh toán thẻ; sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code; thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống tại đơn vị chấp nhận thẻ.

Cá nhân cho mượn, cho thuê, mua, bán, chuyển nhượng giấy phép, tẩy xóa, sửa chữa giấy phép làm thay đổi nội dung giấy phép phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng; gian lận, giả mạo các giấy tờ, hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy phép phạt tiền từ 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng.

Nghị định này cũng quy định mức phạt tiền từ 20 – 30 triệu đồng đối với cá nhân không niêm yết giá mua, bán ngoại tệ tại địa điểm giao dịch hoặc niêm yết nhưng hình thức và nội dung không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng. Bên cạnh đó, cá nhân không niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm giao dịch theo quy định cũng bị phạt từ 30 – 50 triệu đồng.

Các mức phạt trên quy định áp dụng đối với cá nhân; mức phạt tiền đối với tổ chức có cùng một hành vi vi phạm hành chính bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 31/12/2019.

2. MỨC VỐN TỐI THIỂU ĐỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG LÀ 300 TỶ ĐỒNG

Ngày 15/11/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 89/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp hàng không khai thác đến 10 tàu bay là 300 tỷ đồng Việt Nam, khác với quy định cũ là 700 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế và 300 tỷ đồng

Việt Nam nếu chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa. Đối với doanh nghiệp khai thác từ 11 đến 30 tàu bay thì mức vốn tối thiểu là 600 tỷ đồng (bằng mức quy định cũ đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa).

Để kinh doanh vận tải hàng không các doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác, tổ chức bộ máy, vốn, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm. Trong đó phương án bảo đảm có tàu bay khai thác bao gồm: số lượng, chủng loại tàu bay, tuổi của tàu bay, hình thức chiếm hữu, phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung.

Về tổ chức bộ máy, phải có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành.

Thời gian Cục Hàng không Việt Nam báo cáo kết quả thẩm định với Bộ Giao thông Vận tải cũng được giảm từ 30 ngày xuống còn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Ngoài ra, Nghị định cũng bãi bỏ quy định về việc doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không đăng tải nội dung của giấy phép trên 03 số báo liên tiếp các, sau khi được cấp phép.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2020. Nghị định này làm hết hiệu lực một phần Nghị định 30/2013/NĐ-CP và Nghị định 92/2016/NĐ-CP.

3. MỨC VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ LÀ 05 TỶ ĐỒNG

Đây là quy định mới được Chính phủ ban hành tại Nghị định 86/2019/NĐ-CP về việc quy định mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngày 14/11/2019.

Theo đó, mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vẫn giữ nguyên như quy định cũ, cụ thể: ngân hàng thương mại là 3.000 tỷ đồng; ngân hàng chính sách là 5.000 tỷ đồng; ngân hàng hợp tác xã là 3.000 tỷ đồng; công ty tài chính là 500 tỷ đồng; công ty cho thuê tài chính là 150 tỷ đồng.

Đặc biệt, bổ sung mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô là 05 tỷ đồng. Mức vốn pháp định của Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn xã, thị trấn là 0,5 tỷ đồng; Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn phường, liên xã, liên xã phường, liên phường là 01 tỷ đồng (quy định cũ chỉ là 0,1 tỷ đồng).

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/01/2020. Nghị định này thay thế Nghị định 141/2006/NĐ-CP và Nghị định 10/2011/NĐ-CP và làm hết hiệu lực một phần Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP.

4. QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Nhà nước tạo điều kiện phát triển các sáng kiến nhằm ngăn chặn việc nghiên cứu, phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt và nghiêm trị mọi hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; sử dụng đồng bộ các biện pháp để tổ chức phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Đây là một trong những chính sách được quy định tại Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 về về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Vũ khí hủy diệt hàng loạt hay còn gọi là vũ khí hủy diệt lớn là các loại vũ khí được chế tạo, sản xuất có khả năng sát thương cao trên diện rộng, có khả năng hủy diệt, gây tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, môi trường sinh thái và gây hoảng loạn về tâm lý, tinh thần con người, bao gồm: vũ khí hạt nhân, vũ khí phóng xạ, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học và các vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hoạt động làm lan rộng kiến thức, công trình nghiên cứu khoa học, các thành phần tiền chất, vật liệu liên quan của chủ thể nhà nước hoặc phi nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt được quy định.

Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt: tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh và xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; kết hợp phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Cơ quan và người có thẩm quyền có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng,

chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình. Nội dung thông tin, tuyên truyền gồm: nguy cơ, diễn biến, tình hình phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thủ đoạn, phương thức hoạt động, tính chất phức tạp, nguy hiểm, tác hại của việc phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quan điểm, chính sách, pháp luật của Nhà nước, biện pháp, kinh nghiệm về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và thực hiện nghĩa vụ theo nghị quyết hoặc thông báo của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc liên quan đến việc ngăn chặn việc phổ biến và tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Cơ quan thanh tra của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Cơ quan đầu mối quốc gia, Đơn vị đầu mối thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của tổ chức, cá nhân theo quy định của Nghị định này, pháp luật khác có liên quan và kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11/11/2019.

5. MỤC TIÊU ĐẾN 2025: 50% CÔNG CHỨC TRUNG ƯƠNG ĐẠT CHUẨN NGOẠI NGỮ BẬC 4 TRỞ LÊN

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 về Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030".

Theo đó, Đề án này áp dụng đối với cán bộ trong các cơ quan nhà nước, công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; công chức xã, phường, thị trấn; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác trong hệ thống các cơ quan, đơn vị thuộc ngành ngoại giao; giáo viên, giảng viên ngoại ngữ.

Đề án nhằm tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phấn đấu đến hết năm 2025, 50% cán bộ, công chức trung ương và 25% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, địa phương dưới 40 tuổi đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định.

Với viên chức yêu cầu 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên. Với cán bộ xã yêu cầu 20% công chức và 15% cán bộ, công

chức lãnh đạo đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên đến hết năm 2025.

Theo từng giai đoạn 5 năm, hàng năm các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát thực trạng và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19/11/2019. Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2019 đến hết năm 2030.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. KHÔNG MỘT TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NÀO ĐƯỢC THAY ĐỔI SỐ LIỆU THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Ngày 21/11/2019, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư 06/2019/TT-BTP về việc quy định chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án dân sự.

Báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất: Báo cáo thống kê định kỳ được thực hiện theo tháng và theo năm; Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền. Số liệu báo cáo thống kê thi hành án dân sự tại mỗi kỳ được tính theo phương pháp lũy kế.

Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một bộ phận của số liệu thống kê Ngành Tư pháp. Sau khi được công bố, phổ biến có giá trị pháp lý. Không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân khác công bố, phổ biến số liệu thống kê thi hành án dân sự sai sự thật, số liệu thống kê thi hành án dân sự là một trong những căn cứ để thực hiện việc quản lý, điều hành công tác thi hành án dân sự và theo dõi thi hành án hành chính.

Số liệu và thông tin trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sử dụng làm một trong những căn cứ khi quyết định một số vấn đề như: Đánh giá kết quả thi hành án, tình hình tổ chức, hoạt động của cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký… Lập kế hoạch thi hành án và giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án hàng năm; Thực hiện chế độ tài chính trong thi hành án dân sự, xem xét quyết định đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở kho vật chứng…

Thời hạn gửi, nhận báo cáo: chậm nhất 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chấp hành viên phải gửi báo cáo thống kê tới Thủ trưởng đơn vị nơi công tác; chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê của đơn vị mình tới Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo; chậm nhất 04 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo thống kê, Cục Thi hành án

dân sự phải gửi báo cáo thống kê của đơn vị và của toàn tỉnh tới Tổng cục Thi hành án dân sự.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 05/01/2020. Thông tư này thay thế Thông tư 01/2013/TT-BTP và Thông tư 08/2015/TT-BTP.

7. QUY ĐỊNH CÁC GIỚI HẠN, TỶ LỆ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Ngày 15/11/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 22/2019/TT-NHNN về việc quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động mà các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì, bao gồm: tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; hạn chế, giới hạn cấp tín dụng; tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn; tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; giới hạn góp vốn, mua cổ phần; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi.

Cụ thể, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó theo tỷ lệ tối đa 30%. Bên cạnh đó, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới thành lập, có thời gian hoạt động dưới 02 năm kể từ ngày khai trương hoạt động và Tổng Nợ phải trả nhỏ hơn vốn điều lệ, vốn được cấp thì được mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo tỷ lệ tối đa 30% so với vốn điều lệ, vốn được cấp.

Thông tư này cũng quy định, ngân hàng thương mại chỉ được mua, nắm giữ cổ phiếu tối đa không quá 02 tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng khác là công ty con của ngân hàng thương mại đó. Đồng thời, ngân hàng thương mại chỉ được mua, nắm giữ cổ phiếu của một tổ chức tín dụng khác dưới 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức tín dụng khác đó.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

8. TỶ LỆ SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂNG THANH TOÁN THEO GIÁ HỢP ĐỒNG DAO ĐỘNG TỪ 60-100%

Ngày 14/11/2019, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 24/2019/TT-BCT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Theo đó, bổ sung quy định chung về việc xác định sản lượng hợp

đồng, cụ thể: Tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán do Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện nhưng phải bảo đảm tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng tối đa là 100% và tối thiểu là 60%.

Trong trường hợp nhà máy điện có ràng buộc về bao tiêu nhiên liệu và được phép chuyển ngang các quy định này sang hợp đồng mua bán điện thì Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện thỏa thuận về sản lượng hợp đồng năm. Tuy nhiên phải bảo đảm sản lượng này không thấp hơn sản lượng năm tương ứng với lượng bao tiêu điện năm của nhà máy điện.

Các loại hình dịch vụ phụ trợ cho vận hành hệ thống điện trong thị trường điện bao gồm: điều khiển tần số thứ cấp; khởi động nhanh; điều chỉnh điện áp; khởi động đen; dự phòng vận hành phải phát để đảm bảo an ninh hệ thống điện.

Giá trần thị trường điện cho năm không cao hơn 115% giá trần bản chào cao nhất trong các tổ máy nhiệt điện trực tiếp chào giá trên thị trường điện. Giá trần bản chào của nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết trên 01 tuần được xác định căn cứ theo giá trị nước tuần tới của nhà máy đó được công bố theo quy định. Giá trần bản chào bằng giá trị lớn nhất của: 120% giá trị nước của nhà máy thủy điện; giá trung bình của các giá trần bản chào của các tổ máy nhiệt điện tham gia thị trường điện trong kế hoạch vận hành tháng.

Hàng tháng, đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố giá trung bình của các giá trần bản chào của các tổ máy nhiệt điện tháng tới cho các nhà máy thủy điện cùng thời gian biểu công bố giá trần bản chào của tổ máy nhiệt điện trong tháng tới.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH QUY CHẾ VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ ÁP DỤNG CHO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Bộ Tài chính đã xây dựng bản dự thảo Thông tư ban hành Quy chế về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gửi các bộ, ngành có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến xây dựng dự thảo hoàn thiện, dự kiến trình Chính phủ vào cuối Quý IV/2019.

Theo dự thảo, Thông tư này hướng dẫn mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ làm cơ sở cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tham chiếu trong việc xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị, áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đơn vị sự nghiệp công lập tự

đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (có tổng quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số người lao động hiện có trong một năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc sử dụng từ 200 người lao động trở lên).

Kiểm toán nội bộ là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các bộ phận/quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao. Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây: hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro; các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao; các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà đơn vị đạt được. Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ; không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ báo cáo và đánh giá; không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các đơn vị (bộ phận) mà người làm công tác kiểm toán nội bộ đó chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý đơn vị (bộ phận) đó trong vòng 03 năm gần nhất; không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các đơn vị (bộ phận) mà Người có liên quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý đơn vị (bộ phận); phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ và tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm gì?*

*** Trả lời:** Theo Điều 8, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin ban hành ngày 23/01/2018 có quy định trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin như sau: bố trí người làm đầu mối cung cấp thông tin để thực hiện cung cấp theo quy định của Luật tiếp cận thông tin; tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông thin; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý và thực hiện cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu; giải thích, hướng dẫn, thông báo cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo đúng quy định; tiếp nhận, trả lời hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan trả lời

phản ảnh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân để dề xuất, kiến nghị với người đứng đầu cơ quan giải quyết; theo dõi, đôn đốc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân; tổng hợp tình hình, kết quả công tác và báo cáo tới người đứng đầu cơ quan; bố trí cán bộ hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó khăn khác trong việc điền Phiếu, ký Phiếu cung cấp thông tin.

2. Hỏi: *Việc cung cấp thông tin được trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất như thế nào?*

*** Trả lời:** Theo Điều 9, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin ban hành ngày 23/01/2018 có quy định trang bị phương tiện kỹ, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin như sau: Người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin, đứng đầu đơn vị được giao đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết khác phục vụ cho việc cung cấp thông tin. Người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm: Bố trí địa điểm đọc, nghe, xem, ghi chép, sao chép, chụp thông tin để cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan; bố trí thiết bị tại trụ sở cơ quan phù hợp với hình thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của công dân; sử dụng các biện pháp để tăng cường cung cấp thông tin và tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, video và các phương tiện nghe, nhìn khác; cho phép người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu.

3. Hỏi: *Những trường hợp nào bị từ chối yêu cầu cung cấp thông tin?*

*** Trả lời:** Theo Điều 28, Luật số 104/2016/QH13 Luật Tiếp cận thông tin ban hành ngày 06/4/2016 có quy định cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin trong các trường hợp sau đây: thông tin công dân không được tiếp cận; thông tin không đáp ứng điều kiện về tiếp cận có điều kiện; thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai; thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; thông tin đang được công khai những vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được; thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu (trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng); thông được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan; người yêu cầu thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hỏi: *Có những biện pháp nào để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân?*

*** Trả lời:** Theo Điều 33, Luật số 104/2016/QH13 Luật Tiếp cận thông tin ban hành ngày 06/4/2016 có quy định những biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân gồm có: bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin; vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà có quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định; tăng cường cung cấp thông tin qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước và phương tiện thông tin đại chúng; xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin; bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan; củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử./.